TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **_____**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **_____**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp Anh
Ông Nguyễn Văn Kình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 24/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 09/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Dương Viết C**, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: AA ngõ V, quận Đ, thành phố H.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983; (có mặt).

Địa chỉ: BB phố P, phường P, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 27/02/2019; Biên bản hòa giải ngày 25/3/2019, và ngày 12/4/2019; ***nguyên đơn - anh Dương Viết C trình bày:***

- Về tình cảm: Anh và chị N kết hôn sau khi cả hai đã trải qua một lần ly hôn. Việc kết hôn của anh chị tự nguyện nhưng gia đình hai bên không ủng hộ. Anh chị đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bất

đồng quan điểm sống do chị N thường xuyên ghen tuông vô cớ với mọi mối quan hệ khác giới của anh, bản thân anh làm công việc kinh doanh tự do nên phải giao dịch với nhiều người. Chị N không thông cảm thường xuyên ghen tuông, trì triết anh, ghen với vợ cũ của anh nhiều lần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi vã, đánh chửi nhau. Sau mỗi lần cãi nhau, chị N thường xuyên mang con bỏ đi đâu không rõ, đi dài ngày mới tự mang con trở về. Anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị N vẫn không thay đổi vẫn ghen tuông vô cớ thường xuyên chửi bới bạn bè anh nên anh rất xấu hổ, vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, bố mẹ anh khuyên giải chị N nhưng chị không nghe. Anh chị sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm của anh với chị N không còn, không thể hoà giải mâu thuẫn để đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Dương Bảo M; sinh ngày 04/01/2016. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con, nếu chị N có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu M, anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày:*** Chị xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác chị đã khuyên giải anh C nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hoà giải mâu thuẫn để đoàn tụ, việc anh C có đơn yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý vì anh C ăn ở với người phụ nữ khác, tuy nhiên chị đề nghị Toà án cho thêm thời gian để giải quyết một số khúc mắc với anh C. Nguyện vọng của chị là muốn tố cáo đến Công an vì việc anh C sống như vợ chồng với người khác.

-Về con chung: Anh chị có 01 con chung như anh C khai là đúng.

Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Dương Bảo M, yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra chị N cho rằng anh chị có tài sản chung khác gồm chiếc xe H mua tháng 5/2017 không đăng ký, hiện anh C đang sử dụng và anh C còn có tiền gửi 03 số tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VXB), ngân hàng Việt Nam N (AXXXbank), ngân hàng TMCP Việt Nam K (TXXXXXXbank), các tài sản này chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết và chị cung cấp chứng cứ gửi Tòa án sau.

- Về nhà, đất ở chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

- Về công nợ chung: Không cho ai vay nợ và cũng không vay nợ ai.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C chị N có mặt.

Anh C vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng và tạo điều kiện thuê cửa hàng cho chị kinh doanh trong 01 năm để chị ổn định cuộc sống thì chị đồng ý ly hôn, nếu anh C không đáp ứng các yêu cầu của chị thì chị chưa đồng ý ly hôn.

Anh C không đồng ý với yêu cầu của chị N vì lý do anh không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Tại phiên tòa các đương sự có mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39 ,147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Viết C đối với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao con chung là Dương Bảo M (nữ); sinh ngày 04/01/2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung: Anh C khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị N cho rằng anh chị có tài sản chung nhưng chị N không có đơn yêu cầu và không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh và qua xác minh không có tài liệu nào thể hiện anh chị có tài sản chung như chị N khai.

- Về công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Viết C có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị N hiện cư trú tại BBB phố P, phường P, quận H, thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận H, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Anh Dương Viết C và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố H ngày 05/4/2016 là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh C và chị N chỉ hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N hay ghen tuông với vợ cũ của anh C và những người bạn khác giới của anh C, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi xô sát nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau những lần vợ chồng cãi vã chị N bế con bỏ nhà đi đâu không rõ sau đó lại đưa con về, anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị N không nghe. Từ tháng 10/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, anh kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã

không tồn tại từ tháng 10 năm 2018 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong thời gian ly thân, chị N và anh C, vợ chồng không liên lạc với nhau nên không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy anh C cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa anh C và chị N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh C yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh C và chị N có 01 con chung là Dương Bảo M (giới tính: nữ); sinh ngày 04/01/2016. Ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nếu chị N có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý và nhường quyền nuôi con cho chị N, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 10 năm 2018 anh C và chị N đã sống ly thân, chị N và con vẫn ở nhà mẹ đẻ chị cho đến nay, cháu M vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị N có nghề làm bánh chung với bố mẹ chị nên thu nhập ổn định, hơn nữa cháu M là cháu gái lại còn nhỏ. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị N, tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, và anh C phải thuê cửa hàng cho chị kinh doanh trong thời gian 01 năm, thấy rằng: Anh C không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, do vậy việc anh C không đáp ứng được yêu cầu của chị N về việc thuê cửa hàng cho chị kinh doanh, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất ở chung:

Anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung là chiếc xe và số tiền anh Chiến còn gửi tiết kiệm tại 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Nam, Ngân hàng Việt Nam N, Ngân hàng TMCP Việt Nam K, nên không xét.

Việc chị N cho rằng anh C hiện đã ăn ở với người phụ nữ khác, thấy rằng: Tòa án đã 02 lần ra Thông báo yêu cầu chị N cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh chị

đang tố cáo anh C vi phạm chế độ một vợ một chồng ra cơ quan Công an, song chị N không cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Tòa án, do vậy không có cơ sở để xem xét yêu cầu của chị N.

- Về công nợ chung: Anh C và chị N khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; anh Long phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Viết C được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Xác nhận anh C và chị N có một con chung là Dương Bảo M (nữ); sinh ngày 04/01/2016. Giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 08/2019 đến năm con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4 .Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai và ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Dương Viết C phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002862 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Anh C, chị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thanh Bình